TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI** Bản án số: **37**/2024/HNGĐ-ST Ngày: 11 - 4 - 2024 V/v "Ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Đào.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chi
Bà Vũ Thị Mùi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 157/2023/QĐXX-ST ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Thúy D, sinh năm 1998
Địa chỉ: Số C, ấp E, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: Ông Nguyen Thanh T, sinh năm 1970
Địa chỉ: D Summer Tone LN L LLE, GA C, USA.
Địa chỉ liên hệ: 401 W. Martintown RD Ste 101 North A, USA.

(Bà D *có đơn xin vắng mặt, ông Nguyen Thanh T vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16/10/2023 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thúy D *trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2018 tại Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai và có tổ chức đám cưới ngày 25/02/2018.

Quá trình chung sống cuộc sống lúc đầu rất hạnh phúc. Đến năm 2021, do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Đến cuối năm 2021, ông Nguyen Thanh T về bên Mỹ sinh sống cùng người phụ nữ khác, còn bà D ở Việt Nam. Cả hai vợ chồng không liên lạc gì với nhau từ đó đến nay. Nhận

thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyen Thanh T.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Bản tự khai ngày 04/02/2024 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự), bị đơn ông* Nguyen Thanh T *trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thúy D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2018 tại UBND huyện X, tỉnh Đồng Nai và có tổ chức đám cưới ngày 25/02/2018. Quá trình chung sống, cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc. Tuy nhiên, đến năm 2021 thì vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, mỗi người sống mỗi nơi nên tình cảm cũng dần chia cắt. Cuối năm 2021 đến nay ông cũng không liên lạc gì với bà D. Dó đó, ông đồng ý và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà D.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thúy D, ông Nguyen Thanh T có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông Nguyen Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy D và ông Nguyen Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 13/2018 vào ngày 24/02/2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà D, ông Nguyen Thanh T sống hạnh phúc, Tuy nhiên, đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông Nguyen Thanh T sống ở Mỹ, bà D ở Việt Nam, vợ chồng không gặp nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D có đơn xin ly hôn. Tại bản tự khai ngày 04/02/2024, ông Nguyen Thanh T cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà D. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, khó có khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, cho bà D được ly hôn ông Nguyen Thanh T.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thúy D. Bà Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với ông Nguyen Thanh T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không giải quyết.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thúy D đã nộp theo biên lai thu số 0002416 ngày 07/11/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà Nguyễn Thị Thúy D phải nộp, bà D đã nộp xong.

4. Bà Nguyễn Thị Thúy D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Ông Nguyen Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Đào